|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH BẾN TRE** | **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /TTr-UBND |  *Bến Tre, ngày tháng năm 2024* |
|  **DỰ THẢO** |  |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch**

 **trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre

 Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Biên bản số 429/BB-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 11 năm 2024; Công văn số 437/HĐND-VP ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến Tờ trình số 7569/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030;

 Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030 với nội dung cụ thể như sau:

 **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

 **1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2024;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững;

- Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững;

- Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 75 Luật Du lịch số 09/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017 *“Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng”*. Tại Kỳ họp thứ 11, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 quy định chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Qua 5 năm triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã hỗ trợ kinh phí cho 06 homestay với tổng số tiền 290.000.000 đồng. Qua đó, đã tạo động lực, đòn bẩy, vốn mồi để các tổ chức, cá nhân cùng với nguồn lực của mình mạnh dạn đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm, tính chuyên nghiệp góp phần tạo dựng thương hiệu, hình ảnh du lịch Bến Tre. Đặc biệt các đơn vị du lịch rất đồng tình và phấn khởi khi được hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết nêu trên nhất là trong khoảng thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

Tuy nhiên, Nghị quyết này chỉ áp dụng cho các đối tượng là các tổ chức, cá nhân có đầu tư khu du lịch, điểm du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) nằm trong vùng định hướng phát triển du lịch cộng đồng theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

Theo đó, vùng định hướng phát triển du lịch cộng đồng được xác định cụ thể tại Chương trình số 4875/CTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển hạ tầng và sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Bến Tre đến năm 2020, bao gồm: xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm và 3 xã phía Nam thành phố Bến Tre (Phú Nhuận, Nhơn Thạnh, Mỹ Thạnh An). Do đó, thời gian qua Nghị quyết này chỉ áp dụng cho các địa phương nêu trên còncác địa phương khác trên địa bàn tỉnh chưa được áp dụng. Vì vậy, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa đáp ứng được kỳ vọng đối với sự phát triển của ngành du lịch tỉnh nhà ở thời điểm hiện tại. Do đó, để tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh các loại hình, dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh được hưởng chính sách ưu đãi, phù hợp định hướng phát triển du lịch theo Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khai thác có hiệu quả tài nguyên văn hóa bản địa phục vụ phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa truyền thống…

Đồng thời, theo Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy đã định hướng và xác định rõ mục tiêu: để đến năm 2025 “*du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; là một trong những điểm đến sinh thái và trải nghiệm văn hóa hàng đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đối với khách quốc tế, là điểm đến nghỉ dưỡng ngắn ngày hàng đầu khu vực đối với khách trong nước*”, đến năm 2030 *“du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững. Bến Tre trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, có năng lực cạnh tranh cao và thuộc nhóm dẫn đầu các địa phương trong khu vực, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển bền vững”*.

Để thực hiện đạt mục tiêu đó, tỉnh cần tập trung, tạo điều kiện và huy động nguồn lực đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển, không ngừng nâng cao và chuẩn hóa hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch trên nền tảng khai thác lợi thế tài nguyên bản địa, sinh thái sông nước xứ Dừa, đồng thời khai thác các giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, tạo các sản phẩm văn hóa phục vụ nhu cầu trải nghiệm của du khách... Bao gồm: hoạt động lưu trú du lịch (loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê); hoạt động lữ hành (chất lượng bến bãi, phương tiện vận tải khách du lịch); hoạt động tại các điểm đến, tham quan trải nghiệm (nhà vệ sinh công cộng, các nhà hàng, cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; vườn cây trái hoa kiểng…); dịch vụ kinh tế ban đêm; biểu diễn các loại hình phục vụ khách du lịch (Hát Sắc bùa Phú Lễ, Đờn ca tài tử, Nói thơ Vân Tiên).

 **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

 **1. Mục đích**

Nhằm quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030. Thông qua việc hỗ trợ nhằm tạo động lực, khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh được tiếp cận và hưởng chính sách theo Nghị quyết này để tiếp tục đầu tư, phát triển sản phẩm phục vụ khách du lịch; góp phần phục hồi và phát triển hoạt động du lịch. Đồng thời, tiếp tục thực hiện đạt kết quả Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 20 tháng 7 năm 2017 thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/W ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 tháng 2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030, Kế hoạch số 3706/KH-UBND ngày 03 tháng 7 tháng 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 1729/KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030; Kế hoạch số 7804/KH-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; bảo đảm nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030 không trùng lắp với các chính sách hỗ trợ khác của Trung ương và của tỉnh; đáp ứng được yêu cầu đặt ra, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

 Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030, bao gồm: Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; điểm du lịch có tham quan vườn cây giống, hoa kiểng hoặc vườn cây ăn trái; bến thủy nội địa phục vụ du lịch; phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch; khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm; đơn vị kinh doanh du lịch có hoạt động biểu diễn loại hình (Hát sắc bùa phú Lễ, Nói thơ Vân Tiên, Đờn ca tài tử).

 2**. Đối tượng áp dụng**

 2.1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể, cá nhân được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, trực tiếp đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển các loại hình, sản phẩm, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân).

 2.2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

 **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Công văn số 437/HĐND-VP ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến Tờ trình số 7569/TTr-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ và thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng với các quy định hiện hành.

 Trên cơ sở đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh[[1]](#footnote-1) hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết thực hiện gửi lấy ý kiến các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các địa phương, các tổ chức cá nhân có liên quan. Đồng thời đã thực hiện việc lấy ý kiến phản biện xã hội và đăng cổng thông tin điện tử theo quy định.

 **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

 **1. Bố cục:** Dự thảo nghị quyết gồm 03 chương, 15 điều. Cụ thể:

 - Chương I. Những quy định chung

 - Chương II: Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2030

 - Chương III: Kinh phí và tổ chức thực hiện

 **2. Nội dung** **cơ bản**

 **2.1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ loại hình Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (khách lưu trú và cùng sinh hoạt với gia đình chủ nhà)**

 *2*.*1.1. Điều kiện để được hưởng chính sách*

 a) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo đáp ứng đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch đối với Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay).

 b) Có quy mô đón, phục vụ từ 10 khách trở lên (tương đương 10 giường đơn hoặc 5 giường đôi).

 c) Phù hợp quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

 d) Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

 *2*.*1.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ loại hình Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (khu vực lưu trú, khu vực vệ sinh, khu vực ăn uống, khu vực sinh hoạt chung).

 *2*.*1.3. Mức hỗ trợ*

 a) Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 10 khách đến dưới 20 khách/ngày: 10%/tổng giá trị hóa đơn mua sắm (không quá 30 triệu đồng/cơ sở).

 b) Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ 20 khách đến dưới 30 khách/ngày: 10%/tổng giá trị hóa đơn mua sắm (không quá 40 triệu đồng/cơ sở).

 c) Cơ sở có quy mô đón, phục vụ từ từ 30 khách trở lên/ngày: 10%/tổng giá trị hóa đơn mua sắm (không quá 50 triệu đồng/cơ sở).

 *2.1.4. Thành phần hồ sơ*:

 a) Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Bản sao Thông báo đủ điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch.

 c) Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng mua sắm và Biên bản nghiệm thu, bàn giao trang thiết bị.

 **2.2. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch**

*2.2.1. Điều kiện để được hưởng chính sách*

 a) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận là khu du lịch cấp tỉnh hoặc điểm du lịch theo quy định hiện hành.

 b) Có số lượng phòng vệ sinh phù hợp với lượng khách có nhu cầu sử dụng (ít nhất 10 phòng vệ sinh/khu du lịch cấp tỉnh; ít nhất 5 phòng vệ sinh/điểm du lịch).

 *2..22. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành tại các khu du lịch cấp tỉnh hoặc điểm du lịch được công nhận theo quy định hiện hành.

 *2.2.3. Mức hỗ trợ:* 10%/tổng giá trị hóa đơn mua sắm (không quá 60 triệu đồng/nhà vệ sinh tại khu du lịch cấp tỉnh; không quá 40 triệu đồng/nhà vệ sinh tại điểm du lịch).

 *2.2.4. Thành phần hồ sơ*

a) Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Bản sao Quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh hoặc điểm du lịch theo quy định.

 c) Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng mua sắm và Biên bản nghiệm thu, bàn giao trang thiết bị.

 **2.3. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, dụng cụ cho cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch**

 *2.3.1. Điều kiện để được hưởng chính sách*

a) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp biển hiệu cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành.

 b) Có sức chứa từ 100 khách trở lên (không bao gồm bãi đậu xe, khuôn viên và công trình phụ trợ).

 c) Thực đơn phục vụ khách du lịch có món ăn từ dừa.

 d) Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

 *2.3.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ trang thiết bị, dụng cụ cho cơ sở ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành.

 *2.3.3. Mức hỗ trợ:* 10%/tổng giá trị hóa đơn mua sắm (không quá 70 triệu đồng/cơ sở).

 *2.3.4. Thành phần hồ sơ*

 a) Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Bản sao Quyết định công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định.

 c) Thực đơn phục vụ khách có xác nhận của tổ chức, cá nhân đề nghị hưởng chính sách;

 d) Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng mua sắm và Biên bản nghiệm thu, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ.

 **2.4.** **Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tại điểm du lịch có tham quan vườn cây giống, hoa kiểng hoặc vườn cây ăn trái**

 *2.4.1. Điều kiện để được hưởng chính sách*

 a) Có diện tích tối thiểu 3.000m2.

 b) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận là điểm du lịch theo quy định hiện hành.

 c) Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

 *2.4.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, dụng cụ tạicác điểm du lịch có tham quan vườn cây giống, hoa kiểng hoặc vườn cây ăn trái.

 *2.4.3. Mức hỗ trợ:* 10%/tổng giá trị hóa đơn mua sắm (không quá 70 triệu đồng/điểm).

 *2.4.4.* *Thành phần hồ sơ*

 a) Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Bản sao Quyết định công nhận điểm du lịch theo quy định.

 c) Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng mua sắm và Biên bản nghiệm thu, bàn giao trang thiết bị, dụng cụ.

 **2.5. Hỗ trợ đầu tư bến thủy nội địa phục vụ du lịch**

 *2.5.1. Điều kiện để được hưởng chính sách*

 a) Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố hoạt động bến thủy nội địa theo quy định hiện hành và đi vào hoạt động phục vụ đón khách du lịch.

 b) Có kết nối với đơn vị kinh doanh du lịch (khu du lịch cấp tỉnh, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, dịch vụ du lịch khác...).

 c) Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

 *2.*5*.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ đầu tư bến thủy nội địa phục vụ du lịch.

 *2.*5*.3. Mức hỗ trợ:* 10%/tổng mức đầu tư bến (không quá 70 triệu đồng/bến).

 *2.5.4. Thành phần hồ sơ*

 a) Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Bản sao Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền.

 c) Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng xây dựng công trình và Biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình.

 **2.6. Hỗ trợ mua sắm phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch**

 *2.6.1. Điều kiện được hưởng chính sách*

 a) Đối với phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch có gắn động cơ (tàu thủy vận tải khách du lịch)

 - Phương tiện đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn kinh doanh và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành.

 - Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành.

 b) Đối với phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch không có gắn động cơ, phục vụ từ 10 khách trở xuống (đò chèo): Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, kỹ thuật theo quy định của pháp luật hiện hành.

 *2.6.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ mua sắm phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch có gắn động cơ (tàu thủy vận tải khách du lịch) và phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch không có gắn động cơ, phục vụ từ 10 khách trở xuống (đò chèo).

 *2.6.3. Mức hỗ trợ*

 a) Đối với tàu thủy vận tải du lịch

 - Tàu từ 50 ghế trở lên: 10%/tổng mức đầu tư phương tiện (không quá 40 triệu đồng/tàu).

 - Tàu từ 30 ghế đến dưới 50 ghế: 10%/tổng mức đầu tư, mua sắm phương tiện (không quá 30 triệu đồng/tàu).

 - Tàu từ 20 ghế đến dưới 30 ghế: 10%/tổng mức đầu tư, mua sắm phương tiện (không quá 20 triệu đồng/tàu).

 - Tàu từ dưới 20 ghế: 10%/tổng mức đầu tư, mua sắm phương tiện (không quá 10 triệu đồng/tàu).

 b) Đối với đò chèo: 10% tổng mức đầu tư, mua sắm phương tiện (không quá 02 triệu đồng/đò chèo)

 *2.6.4. Thành phần hồ sơ*

 a) Đối với tàu thủy vận tải khách du lịch: Đơn đề nghị hưởng chính sách (kèm theo Nghị quyết này); Bản sao Biển hiệu tàu thủy vận tải khách du lịch; Bản sao hợp đồng làm việc với đơn vị kinh doanh du lịch sử dụng dịch vụ (hợp đồng có thể hiện: số lượng, danh sách đội đò chèo, chương trình tham quan phục vụ khách du lịch); Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng mua sắm và Biên bản nghiệm thu, bàn giao phương tiện.

 b) Đối với đò chèo: Đơn đề nghị hưởng chính sách (kèm theo Nghị quyết này); Bản sao văn bản xác nhận đủ điều kiện hoạt động của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành; Bản sao hợp đồng làm việc với đơn vị kinh doanh du lịch sử dụng dịch vụ (có thể hiện chương trình tham quan phục vụ khách du lịch); Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Hợp đồng mua sắm và Biên bản nghiệm thu, bàn giao phương tiện.

 **2.7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm**

 *2.7.1. Điều kiện được hưởng chính sách*

 a) Có dự án đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí (phục vụ khách cả ngày và đêm), được cơ quan có thẩm quyền cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (nếu có) hoặc quyết định công nhận trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định hiện hành.

 b) Có quy mô đầu tư từ 03 tỷ trở lên.

 c) Đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ, theo quy định của pháp luật hiện hành.

 *2.7.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng khu phố ẩm thực, khu phố mua sắm, khu vui chơi giải trí phục vụ phát triển kinh tế ban đêm.

 *2.7.3. Mức hỗ trợ:* 300 triệu đồng/dự án.

 *2.7.4. Thành phần hồ sơ*

 a) Đơn đề nghị hưởng chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Bản sao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư/Quyết định trúng đấu giá quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền theo quy định.

 c) Bản sao Quyết định công nhận cơ sở đạt chuẩn phục vụ khách du lịch của cơ quan có thẩm quyền.

 c) Hóa đơn chứng từ hợp pháp liên quan; Biên bản nghiệm thu công trình.

 2.**8. Hỗ trợ cho đơn vị kinh doanh du lịch có hoạt động biểu diễn loại hình Hát sắc bùa Phú Lễ, Đờn ca tài tử, Nói thơ Vân Tiên**

*2.8.1 Điều kiện để hưởng chính sách*

a) Đơn vị kinh doanh du lịch (lưu trú du lịch, khu, điểm, cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch) có biểu diễn loại hình Hát sắc bùa Phú Lễ, Đờn ca tài tử, Nói thơ Vân Tiên.

b) Trong 01 năm, tổ chức ít nhất 12 cuộc biểu diễn Hát sắc bùa Phú Lễ, Đờn ca tài tử, Nói thơ Vân Tiên (trong đó 06 cuộc biểu diễn Hát sắc bùa Phú Lễ và Nói thơ Vân Tiên).

 c) Có kế hoạch tổ chức biểu diễn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

*2.8.2. Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ cho các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre có hoạt động biểu diễn các loại hình Hát sắc bùa phú Lễ, Nói thơ Vân Tiên, Đờn ca tài tử.

*2.8.3. Mức hỗ trợ:*20.000.000 đồng/năm/đơn vị kinh doanh du lịch.

 *2.8.4. Thành phần hồ sơ*

 a) Đơn đề nghị hưởng chính sách (kèm theo Nghị quyết này).

 b) Thông báo hoạt động biểu diễn nghệ thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

 c) Xác nhận của đơn vị lữ hành hoặc đại diện nhóm du khách thụ hưởng sau khi kết thúc mỗi chương trình biểu diễn.

 **3.** **Trình tự thủ tục, cách thức thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh**

3.1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre.

 3.2.Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tiến hành thẩm định thực tế các điều kiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ theo Quy định này thì trong thời hạn 10 ngày sau thẩm định thực tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm trả lời bằng văn bản (Thông báo) cho tổ chức, cá nhân.

 3.3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận kết quả thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận đủ điều kiện xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

 3.4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định công nhận đủ điều kiện xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định kinh phí hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện chi hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

 3.5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài chính có văn bản về việc chi kinh phí hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm Thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân.

 **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

 **1. Nguồn lực**

Từ nguồn kinh phí thực hiện được cấp từ ngân sách tỉnh giai đoạn 2025 - 2030. Hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách gửi Sở Tài chính cùng thời gian dự toán ngân sách Nhà nước năm kế hoạch.

 Dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ đến năm 2030 khoảng 28,780 tỷ đồng (Hai mươi tám tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng) (khoảng 4,8 tỷ đồng/năm).

 **2. Điều kiện thực hiện Nghị quyết**

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó quy định rõ:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện chính sách:

+ Đăng tải Nghị quyết trên Cổng thành phần của Sở, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Báo Đồng Khởi; Ứng dụng du lịch thông minh; Cổng thông tin điện tử du lịch Bến Tre, Cổng thông tin điện tử các các huyện, thành phố, các ngành và đơn vị có liên quan.

+ Triển khai Nghị quyết đến các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.

+ Thành lập Tổ thẩm định, xem xét đề nghị hỗ trợ theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân đảm bảo đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định.

- Các cơ quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết sử dụng bộ máy, nhân lực hiện có để thực hiện nhiệm vụ được giao.

**VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN:** Không có

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên (kính trình);- CT, PCT UBND tỉnh;- Chánh, các PCVP;- Sở VH,TT&DL;- Phòng: KT, TH, TCĐT, KGVX;- Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** **Nguyễn Thị Bé Mười** |

1. Biên bản số 429/BB-HĐND Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 11 năm 2024 [↑](#footnote-ref-1)